

**PHỤ LỤC 2 - BIỂU PHÍ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP
C - DỊCH VỤ TÍN DỤNG**

(Được ban hành kèm theo quyết định số 1051/2013/QĐ-BIDC.HCM có hiệu lực từ ngày 05/12/2013 sửa đổi lần 04 ngày 16/11/2015)

MÃ PHÍ	TT	MỤC	BIỂU PHÍ (chưa VAT)					
			GIAO DỊCH VND			GIAO DỊCH NGOẠI TỆ		
			Phí	Tối thiểu	Tối đa	Phí	Tối thiểu	Tối đa
	I	Phí liên quan tới hoạt động cho vay						
	1	Phí trả nợ trước hạn						
DN1C	-	Cho vay theo hạn mức	Thỏa thuận		5,000,000	Thỏa thuận		250
DN2C	-	- Cho vay theo món và thời gian vay thực tế ≤ 50% thời gian vay theo Hợp đồng tín dụng	0.05%/số tiền trả nợ trước hạn	200,000	10,000,000	0.05%/số tiền trả nợ trước hạn	10	500
DN3C	-	- Cho vay theo món và thời gian vay thực tế > 50% thời gian vay theo Hợp đồng tín dụng	0.03%/số tiền trả nợ trước hạn	100,000	10,000,000	0.03%/số tiền trả nợ trước hạn	5	500
	2	Phí trong các hợp đồng hạn mức tín dụng dự phòng						
DN4C	-	Xác định và duy trì hạn mức thấu chi/tín dụng dự phòng	0.02%/hạn mức tín dụng/năm	100,000	3,000,000	0.02%/hạn mức tín dụng/năm	5	150
DN5C	-	Điều chỉnh tăng hạn mức thấu chi/tín dụng dự phòng	50% mức phí DN4C	50,000	1,500,000	50% mức phí DN4C	2	75
DN6C	-	Phí phát hành hợp đồng hạn mức tín dụng dự phòng	0,2% tổng hạn mức được cấp	500,000	5,000,000	0,2% tổng hạn mức được cấp	25	250
DN7C	3	Đầu mỗi thu xếp vốn đồng tài trợ (phí đầu mỗi ...)	Thỏa thuận giữa các bên đồng tài trợ			Thỏa thuận giữa các bên đồng tài trợ		